

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4693/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Thông tư số 30/2011/TT-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Bộ Công thương quy định tạm thời về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 104/2004/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2004 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính một số nội dung và các Phụ lục 2, Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 30/2011/TT-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Bộ Công thương quy định tạm thời về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử như sau:

1. Khoản 4 Điều 5 đã in là: “Khi chưa có Quy chuẩn Việt Nam tương ứng, để đánh giá hàm lượng các chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử, tạm thời áp dụng tiêu chuẩn hiện hành của IEC 62321: Sản phẩm kỹ thuật điện - Xác định ngưỡng của sáu loại hóa chất quy định (tên tiếng Anh là Electrotechnical products - Determination of levels of six regulated substances)”.

Nay sửa thành: “Khi chưa có Quy chuẩn Việt Nam tương ứng, để đánh giá hàm lượng các chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử, tạm thời áp dụng tiêu chuẩn hiện hành của IEC 62321: Sản phẩm kỹ thuật điện - Xác định ngưỡng của sáu loại hóa chất quy định (tên tiếng Anh là Electrotechnical products - Determination of levels of six regulated substances) hoặc tiêu chuẩn tương đương”.

2. Khoản 4 Điều 6 đã in là: “Xây dựng và lưu trữ hồ sơ quản lý hàm lượng hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử trước khi sản phẩm lưu thông trên thị trường Việt Nam và phải xuất trình khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Hồ sơ

quản lý bao gồm: danh mục các loại nguyên liệu đầu vào; phiếu kiểm định chất lượng nguyên liệu, linh kiện đầu vào; quy trình quản lý hàm lượng hóa chất độc hại”

Nay sửa thành: “Xây dựng hoặc lưu trữ hồ sơ quản lý hàm lượng hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử trước khi sản phẩm lưu thông trên thị trường Việt Nam. Hồ sơ quản lý có một trong các tài liệu:

a) Phiếu kiểm định chứng minh các sản phẩm có hàm lượng hóa chất độc hại không vượt quá giới hạn cho phép được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này;

b) Quy trình quản lý hoặc các tài liệu khác chứng minh các sản phẩm có hàm lượng hóa chất độc hại không vượt quá giới hạn cho phép được quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này.”

3. Khoản 2 Điều 9 đã in là: “Từ ngày 01 tháng 12 năm 2012, các sản phẩm điện, điện tử được sản xuất, nhập khẩu phải thực hiện việc công bố thông tin về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.”

Nay sửa thành: “Từ ngày 01 tháng 12 năm 2012, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm điện, điện tử phải thực hiện:

a) Công bố thông tin về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Đảm bảo giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử quy định tại Phụ lục 1 Thông tư này;

c) Xây dựng hoặc lưu trữ tài liệu về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư này”.

3. Phần 1. Thiết bị gia dụng loại lớn thuộc Phụ lục 2 đã in là: “Máy giặt”, “Mã số HS 8451”.

Nay sửa thành: Máy giặt, mã số HS 8450.

4. Số thứ tự 1.5 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “Với các đèn huỳnh quang có kiểu dáng vuông hoặc tròn và có đường kính ống nhỏ hơn 17mm dùng cho mục đích thấp sáng nói chung”.

Nay sửa thành: “Với các đèn huỳnh quang có kiểu dáng vuông hoặc tròn và có đường kính ống nhỏ hơn hoặc bằng 17mm dùng cho mục đích thấp sáng nói chung”.

5. Số thứ tự 2.1 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “Đèn huỳnh quang 3 vạch phổ có tuổi thọ trung bình và đường kính ống lớn hơn hoặc bằng 17mm và nhỏ hơn hoặc bằng 28mm: 5mg”; “Đèn huỳnh quang 3 vạch phổ có tuổi thọ trung bình và đường kính ống lớn hơn hoặc bằng 28 mm: 5mg”.

Nay sửa thành: “Đèn huỳnh quang 3 vạch phổ có tuổi thọ trung bình và đường kính ống lớn hơn 17mm và nhỏ hơn hoặc bằng 28mm: 5mg”; “Đèn huỳnh quang 3 vạch phổ có tuổi thọ trung bình và đường kính ống lớn hơn 28 mm: 5mg”.

6. Số thứ tự 3.1 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “Loại ngắn (lớn hơn hoặc bằng 500 mm)”.

Nay sửa thành: “Loại ngắn (nhỏ hơn hoặc bằng 500 mm)”.

7. Số thứ tự 3.2 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “Loại trung bình (lớn hơn 500 mm và nhỏ hơn 1500 mm)”.

Nay sửa thành: “Loại trung bình (lớn hơn 500 mm và nhỏ hơn hoặc bằng 1500 mm)”.

8. Số thứ tự 4.2 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “ $P < 155 \text{ W}$ ”; “ $155 \text{ W} < P < 405 \text{ W}$ ”; “ $P > 450 \text{ W}$ ”.

Nay sửa thành “ $P \leq 155 \text{ W}$ ”; “ $155 \text{ W} < P \leq 405 \text{ W}$ ”; “ $P > 405 \text{ W}$ ”.

9. Số thứ tự 4.3 Các trường hợp miễn trừ thuộc Phụ lục 3 đã in là: “ $P < 155 \text{ W}$ ”; “ $155 \text{ W} < P < 405 \text{ W}$ ”; “ P lớn hơn 450 W”.

Nay sửa thành “ $P \leq 155 \text{ W}$ ”; “ $155 \text{ W} < P \leq 405 \text{ W}$ ”; “ $P > 405 \text{ W}$ ”.

Điều 2. Quyết định đính chính này là một bộ phận cấu thành của Thông tư số 30/2011/TT-BCT ngày 10 tháng 8 năm 2011 của Bộ Công thương quy định tạm thời về giới hạn hàm lượng cho phép của một số hóa chất độc hại trong sản phẩm điện, điện tử./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Dương Quang